CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SEN BẮC

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SEN BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SEN BAC INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SEN BAC INVESTMENT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110270104

3. Ngày thành lập: 02/03/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 04 Phố Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *03 3423 9056* Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	*4520*
6.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (Trừ đấu giá)	*4542*
7.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	*4649*
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*

12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	*4659*
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	*8299*
15.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản	*6810*
16.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	*6820*
17.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	*7010*
18.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn pháp luật, thuế, tài chính)	*7020*

19.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình; Khảo sát địa chất thủy văn; Khảo sát hiện trạng công trình - Thiết kế bản vẽ thi công - Khảo sát xây dựng; Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; Kiểm định xây dựng; - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kiến trúc trong đồ án xây dựng đô thị, quy hoạch nông thôn, thiết kế đô thị; Thiết kế kiến trúc cảnh quan; Thiết kế nội thất; Chỉ dẫn đặc điểm kỹ thuật kiến trúc công trình; Đánh giá kiến trúc công trình; Thẩm tra thiết kế kiến trúc.	*7110*
20.	Quảng cáo	*7310*
21.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	*7320*
22.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	*1010*
23.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	*1020*
24.	Chế biến và bảo quản rau quả	*1030*
25.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	*1040*
26.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	*1050*
27.	Xay xát và sản xuất bột thô	*1061*
28.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	*1062*
29.	Sản xuất các loại bánh từ bột	*1071*
30.	Sản xuất đường	*1072*
31.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	*1073*
32.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	*1074*
33.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	*1075*
34.	Sản xuất chè	*1076*
35.	Sản xuất cà phê	*1077*
36.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	*1079*
37.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	*1080*
38.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	*1103*
39.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	*1104*
40.	Sản xuất sợi	*1311*
41.	Sản xuất vải dệt thoi	*1312*
42.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	*1313*
43.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	*1391*
44.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	*1392*
45.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	*1393*
46.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	*1394*

47.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	*1399*
48.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	*1410*
49.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	*1420*
50.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	*1430*
51.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	*1512*
52.	Sản xuất giày, dép	*1520*
53.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	*1621*
54.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*
55.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	*1623*
56.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	*2211*
57.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	*2219*
58.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	*2392*
59.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	*2393*
60.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	*2395*
61.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	*2511*
62.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	*2591*
63.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
64.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	*2593*
65.	Sản xuất linh kiện điện tử	*2610*
66.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	*2620*
67.	Sản xuất thiết bị truyền thông	*2630*
68.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	*2640*
69.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	*2660*
70.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	*2731*
71.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	*2732*
72.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	*2733*
73.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	*2740*
74.	Sản xuất đồ điện dân dụng	*2750*
75.	Sản xuất thiết bị điện khác	*2790*
76.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	*2811*
77.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	*2812*
78.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	*2813*
79.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	*2814*
80.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	*2815*
81.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	*2816*

82.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	*2817*
83.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	*2818*
84.	Sản xuất máy thông dụng khác	*2819*
85.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	*2821*
86.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	*2822*
87.	Sản xuất máy luyện kim	*2823*
88.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	*2824*
89.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	*2825*
90.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	*2826*
91.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	*2910*
92.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	*2920*
93.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	*2930*
94.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*
95.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	*8129*
96.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*
97.	Sản xuất mô tô, xe máy	*3091*
98.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	*3092*
99.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	*3099*
100.	Sản xuất nhạc cụ	*3220*
101.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	*3230*
102.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	*3240*
103.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	*3290*
104.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	*3311*
105.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
106.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*
107.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
108.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	*3315*
109.	Sửa chữa thiết bị khác	*3319*
110.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
111.	Thoát nước và xử lý nước thải	*3700*
112.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
113.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
114.	Xây dựng công trình công ích khác	*4229*
115.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299(Chính)*

116.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	*4311*
117.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	*4312*
118.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*

6. Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 20.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	DƯƠNG ĐẠI PHÚC	Số Nhà 33 Tổ 3, Phát Dương Đông, Thị Trấn Phát Diệm, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	1,500	037093005766	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	1,500		

2	NGUYỄN TÁ BỒN	Thôn Bất Phí, Xã Nhân Hòa, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	19.400.000	194.000.000.000	97,000	027084002876	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	19.400.000	194.000.000.000	97,000		
3	NGUYỄN THỊ SEN	Phố Vồi, Thị Trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	1,500	001193021721	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	1,500		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: NGUYỄN TÁ BỒN Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *22/01/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *027084002876*

Ngày cấp: *25/04/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Bất Phí, Xã Nhân Hòa, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Bất Phí, Xã Nhân Hòa, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội